

Bản án số: 30/2022/HNGĐ -ST

Ngày 28/7/2022

"V/v hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chữ - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 07 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST - HNGĐ ngày 02/6/2022 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 01/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan:

+ Cháu Vũ Lê Minh H, sinh ngày 17/8/2013

Người đại diện hợp pháp của cháu H: Anh H– Bố đẻ của cháu

Đều trú tại: XN, XT, ẤT, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Minh: Bà Nguyễn Thu Hiền – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

+ Ủy ban nhân dân xã XT, huyện An Thi, Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đắc Q (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã XT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và lời khai của anh H trình bày: Anh chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/8/2012 tại UBND xã XT, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu. Sau khi cưới chị L về ngay gia đình anh chung sống, anh chị có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi sinh con được hơn 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân một phần do bất đồng quan điểm sống, chị L đi làm có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh biết tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L chưa đủ tuổi kết hôn vì thực tế chị L sinh ngày 24/10/1995 nhưng khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn chị L đã khai mình sinh ngày 24/8/1995 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Nay anh H xác định anh chị không thể chung sống với nhau được nữa nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 24/8/2012 của UBND xã XT.

Về con chung: có 01 con chung là Vũ Lê Minh H, sinh năm 2013.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân xã XT, Đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng là ông Bùi Đắc Q – Chủ tịch trình bày : Ngày 24/8/2012 UBND xã XT đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Vũ Văn H và chị Lê Thị L (Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 24/8/2012). Qua kiểm tra sổ sách, sổ đăng ký kết hôn, tờ khai đăng ký kết hôn của chị L, anh H, giấy giới thiệu của UBND xã Quảng Lăng đều xác định chị L sinh ngày 24/8/1995, anh H sinh năm 1991, xét anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn và đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật nên UBND xã XT đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh H, chị L. Nay được biết thực tế chị Lê Thị L sinh ngày 24/10/1995 và tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật nên anh H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên hủy kết hôn trái pháp luật. Việc cán bộ tư pháp thời điểm đó đăng ký kết hôn cho anh H, chị L do nhận thức pháp luật nên căn cứ vào việc chị L sinh ngày 24/8/1995 vẫn tiến hành đăng ký kết hôn cho anh H, chị L vào ngày 24/8/2012 là chị L tH 01 ngày, UBND xã XT đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn Khương (bố đẻ của chị L) trình bày: Anh chị tự quen biết nhau, sau đó có thời gian tìm hiểu về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào ngày 24/8/2012. Sau khi cưới chị L về ngay gia đình chồng chung sống, ông thấy anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh 01 con chung. Đến năm 2015, anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, chị L về nhà ông nhưng anh H thường xuyên dọa nạt nếu không về thì thế này thế kia, ông đã phải lên nhà anh H nói chuyện, chị L sợ hãi phải bỏ đi làm xa, thỉnh thoảng mới

về nhà. Nay anh chị không ở được với nhau đề nghị Tòa giải quyết. Ông khẳng định chị L sinh ngày 24/10/1995, trong giấy chứng nhận kết hôn chị L sinh ngày 24/8/1995 là do thời điểm đăng ký kết hôn với anh H, chị L còn tH mấy tháng tuổi nên khai sinh trước 02 tháng để đủ tuổi.

Về con chung: Anh H, chị L có 01 con chung là Vũ Lê Minh H, sinh năm 2013. Hiện nay cháu đang ở với anh H

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bà Đặng Thị Băng (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Anh chị quen biết nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào ngày 24/8/2012. Sau khi cưới chị L về ngay gia đình bà chung sống. Thời gian đầu bà thấy anh chị hạnh phúc. Anh chị đi làm công ty, chị L đi làm về có kể với bà là đi làm công ty có anh nào đó tán, bà bảo có chồng rồi phải giữ ý, sau đó chị L không đi làm công ty nữa mà xin đi bán hàng đông lạnh ở Hà Nội với mẹ, ở nhà bà trông nom con cho. Được khoảng 1 thời gian khi cháu H được hơn 1 tuổi thì vợ chồng cãi nhau, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, bà hỏi lý do thì anh H bảo chị L đi theo trai, bố mẹ chị L lên thăm cháu bà vẫn nói chuyện với bố mẹ chị L bảo chị L về tiếp tục chung sống với chồng cho con có bố có mẹ. Từ khi chị L bỏ đi không về nhà bà nữa. Đến nay anh chị đã sống ly thân nhau được 8 năm. Chị L sinh ngày tháng bao nhiêu bà không rõ, bà chỉ biết chị L sinh năm 1995.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Quảng Lăng: Qua kiểm tra sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, ông Lê Văn Khương là bố đẻ của chị L đã đến UBND xã xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị Lê Thị L, sinh ngày 24/8/1995. Sau khi kiểm tra chứng minh nhân dân thì UBND xã thấy chị L chưa đăng ký kết hôn với ai và đủ tuổi kết hôn nên UBND xã cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị L để chị L đến UBND xã XT đăng ký kết hôn với anh Vũ Văn H, sinh năm 1991. Qua kiểm tra sổ đăng ký khai sinh năm 1995 thì chị Lê Thị L con ông Lê Văn Khương sinh ngày 24/10/1995 chứ không phải sinh ngày 24/8/1995.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2022: Anh H, ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa ngày 28/7/2022: Anh H, ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; điều 228 của BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có QLVN liên quan.

Tại phiên tòa bà Hiền – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H có quan điểm: Anh H, chị L chung sống với nhau có 01 con chung là Vũ Lê Minh H, sinh ngày 17/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án anh H có nguyện vọng được nuôi cháu H vì hiện nay cháu đang ở với anh H, nguyện vọng của anh H phù hợp với nguyện vọng của cháu H, hơn nữa chị L vắng mặt tại địa phương, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở khi cháu H có hơn 1 tuổi, do vậy để tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt,

học tập của cháu H đề nghị HĐXX giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh vì anh có thu nhập lương hàng tháng hơn 9.000.000 đồng, vì vậy việc anh H nuôi con là đảm bảo mọi mặt cho con chung.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73, 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bị đơn là chị L đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do đã vi phạm khoản 15,16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn H: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Văn H và chị Lê Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Lê Minh H, sinh ngày 17/8/2013 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật với chị L, hiện chị L, anh H đều cư trú tại thôn XN, XT, ẤT, Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, ông Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị L vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh H, ông Q theo quy định tại điều 227; điều 228 BLTTDS.

[2.] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Ngày 24/8/2012 anh Vũ Văn H đăng ký kết hôn với chị Lê Thị L tại UBND xã XT, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01. Trên Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện chị Lê Thị L sinh ngày 24/8/1995 nhưng bản sao giấy khai sinh của chị L sinh ngày 24/10/1995. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bản thân anh H không biết được chị L sinh ngày 24/10/1995 mà chỉ biết theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân chị L sinh ngày 24/8/1995 nên anh H, chị L có đến UBND xã XT làm thủ tục đăng ký kết hôn, phù hợp với lời khai của ông Khương (bố đẻ của chị L), xác minh tại UBND xã Quảng Lăng khẳng định chị Lê Thị L kết hôn với anh Vũ Văn H, sinh năm 1991 tại XN, XT, ẤT, Hưng Yên là chị Lê Thị L sinh ngày 24/10/1995. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L mới 16 tuổi 10 tháng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vậy việc đăng ký kết hôn giữa anh H và chị L đã vi phạm quy định về điều kiện đăng ký kết hôn tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam 2000. Hơn nữa, trong quá trình anh H, chị L chung sống có nhiều mâu thuẫn nên năm 2015 chị L về nhà bố mẹ đẻ tại Bảo Tàng, Quảng Lăng, Ân Thi sinh sống, anh H, chị L sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh H yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H, chị L có 01 con chung là Vũ Lê Minh H, sinh ngày 17/8/2013. Nay chị L, anh H không ở với nhau nữa anh H có nguyện vọng được nuôi con chung. HĐXX xét thấy nguyện vọng của anh H thể hiện trách nhiệm của người làm cha, hơn nữa cháu H có nguyện vọng được ở với bố, cháu H đang học tập tại trường Tiểu học XT, anh H có thu nhập ổn định, hàng tháng 9.000.000 đồng, từ năm 2015 khi chị L không ở với anh H nữa thì cháu H vẫn do anh H trực tiếp chăm sóc, để tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt, học tập của cháu H, HĐXX giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con

chung, phù hợp với thực tế. Về cấp dưỡng anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1- Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Văn H và chị Lê Thị L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 quyển số 01 ngày 24/8/2012 tại UBND xã XT, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Chị Lê Thị L và anh Vũ Văn H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2- Về con chung: Giao cháu Vũ Lê Minh H, sinh ngày 17/8/2013 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0004201 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh H đã nộp đủ án phí.

5- Quyền kháng cáo: Anh H, chị L, ông Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã XT, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

